

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế giai đoạn 2026 - 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-BYT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án “Tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất giai đoạn 2024 - 2030”;

Trên cơ sở tình hình thực tế về tổ chức, địa bàn và các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao sức khỏe, giảm tình trạng mắc các bệnh về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế; góp phần bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động và nâng cao năng suất lao động.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tăng cường sự cam kết của chính quyền địa phương, tổ chức công đoàn và các bên liên quan nhằm tạo môi trường thuận lợi cho chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sức khỏe sinh sản của công nhân lao động.

Chỉ tiêu đến năm 2030:

- 100% UBND xã, phường, đặc khu có khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc phạm vi triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện hoặc lồng ghép các nội dung của Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- 100% địa bàn có khu công nghiệp, khu kinh tế tổ chức kiểm tra, giám sát liên ngành định kỳ hằng năm việc thực hiện các chính sách về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động và có báo cáo kết quả theo quy định.

b) Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trong xây dựng và thực hiện các chính sách về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.

- Trên 50% doanh nghiệp có quy định chế độ, chính sách về chăm sóc sức khỏe sinh sản có lợi hơn cho người lao động trong thỏa ước lao động tập thể, đồng thời tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm thực hiện trách nhiệm xã hội trong chăm sóc sức khỏe sinh sản của công nhân lao động.

- 90% doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền các chế độ, chính sách của Nhà nước về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.

- 90% doanh nghiệp phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức truyền thông, tư vấn kết hợp cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với điều kiện sinh hoạt, thời gian làm việc của công nhân lao động và bảo đảm chất lượng theo quy định.

- 90% cơ sở y tế tại các khu công nghiệp, khu kinh tế được tập huấn về nội dung các chính sách trong chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.

c) Nâng cao năng lực hệ thống y tế trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với điều kiện sinh hoạt và thời gian làm việc của công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- 80% cơ sở cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong và ngoài công lập có đủ năng lực tổ chức tư vấn và cung cấp các gói dịch vụ cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- 100% người cung cấp dịch vụ chuyên khoa phụ sản biết và thực hiện đúng các bước khám chuyên khoa phụ sản trong khám sức khỏe định kỳ cho lao động nữ theo quy định của Bộ Y tế.

d) Nâng cao nhận thức và tăng cường khả năng tiếp cận của công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp.

- 95% công nhân lao động nắm được các chính sách cơ bản liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.

- 95% công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế được truyền thông thay đổi hành vi, tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.

- 90% công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, bao gồm các dịch vụ dự phòng, sàng lọc các bệnh nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản.

- 90% công nhân lao động chuẩn bị kết hôn được tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân.

- 95% lao động nữ mang thai biết các biện pháp dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm các bệnh lây truyền từ mẹ sang con (HIV, viêm gan B và giang mai).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: Công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Đối tượng tác động: Cấp ủy, chính quyền các cấp; người sử dụng lao động; cán bộ y tế, tổ chức công đoàn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tại địa phương có khu công nghiệp, khu kinh tế.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác quản lý, phối hợp liên ngành và triển khai chính sách

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp giữa các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức công đoàn, hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong triển khai các mục tiêu của Kế hoạch.
- Cập nhật, phổ biến và tổ chức thực hiện kịp thời các quy định, hướng dẫn chuyên môn có liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.
- Tăng cường truyền thông về tầm quan trọng của chăm sóc sức khỏe nói chung, chăm sóc sức khỏe sinh sản nói riêng và các chính sách, pháp luật liên quan đến người lao động.
- Tạo điều kiện để công nhân lao động, nhất là lao động nữ, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp.
- Lựa chọn địa bàn phù hợp để triển khai mô hình can thiệp chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.

2. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế và người tham gia truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức về sức khỏe sinh sản, kỹ năng truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ và các quy định có liên quan cho cán bộ y tế, người làm công tác y tế tại doanh nghiệp và cán bộ công đoàn.
- Rà soát, bảo đảm các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ tư vấn, khám và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản theo quy định và khả năng nguồn lực.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động theo quy định của pháp luật và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

3. Truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Triển khai các hình thức truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ phù hợp với điều kiện sinh hoạt, thời gian làm việc của công nhân lao động.
- Tổ chức các đợt tư vấn kết hợp cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân trong các hoạt động, sự kiện phù hợp.
- Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản thân thiện, phù hợp cho công nhân lao động tại các cơ sở y tế.
- Nội dung tư vấn, dịch vụ gồm: sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và tình dục an toàn; tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân; kế hoạch hóa gia đình; khám, điều trị các bệnh phụ khoa thông thường; sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung và các bệnh ung thư đường sinh sản khác; dự phòng vô sinh, hiếm muộn; làm mẹ an toàn và các nội dung chuyên môn khác theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tăng cường phối hợp giữa y tế cơ sở, cơ sở y tế của doanh nghiệp và tổ chức công đoàn để tư vấn, chuyển tuyến, cung cấp dịch vụ phù hợp.

4. Xây dựng, đánh giá và nhân rộng mô hình

Duy trì, nâng cao chất lượng các mô hình phù hợp đang triển khai; lựa chọn địa bàn để xây dựng mô hình điểm; tổ chức đánh giá và nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí sự nghiệp bố trí cho các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường, đặc khu theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí của doanh nghiệp, tổ chức công đoàn; nguồn tài trợ, viện trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai Kế hoạch; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn; hướng dẫn các cơ sở y tế triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng, chống nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục, ung thư cổ tử cung, ung thư vú, vô sinh, hiếm muộn và các nội dung chuyên môn liên quan.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người sử dụng lao động và tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp quan tâm, thực hiện các chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động theo quy định.

- Hướng dẫn nội dung, biểu mẫu theo dõi; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ; hướng dẫn, tuyên truyền việc thực hiện pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động và các quy định có liên quan.

3. Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc

Theo phạm vi quản lý, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách; hỗ trợ tổ chức tập huấn, truyền thông, tư vấn và kết nối cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế; phối hợp theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện Kế hoạch.

6. Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ.

7. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, địa phương liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách về chăm sóc sức khỏe sinh sản; vận động các cấp công đoàn và doanh nghiệp quan tâm, tạo điều kiện cho công nhân lao động tiếp cận các hoạt động tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phối hợp tổ chức các hoạt động phù hợp trong Tháng Công nhân và các chương trình chăm lo người lao động.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Đối với địa phương có khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc phạm vi triển khai Kế hoạch, tổ chức thực hiện hoặc lồng ghép các nội dung của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch có liên quan phù hợp với tình hình thực tế.

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các quy định có liên quan; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan triển khai truyền thông, tư vấn, kết nối cung cấp dịch vụ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

9. Các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng và các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.

VI. CÔNG TÁC THỐNG KÊ, BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 11 về Sở Y tế để tổng hợp.

2. Sở Y tế

Hướng dẫn thống nhất nội dung, biểu mẫu báo cáo; tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định; kịp thời tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch 737/KH-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang./. 

Nơi nhận: 

- Bộ Y tế (để b/c);
- TT: TU, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
và các tổ chức thành viên;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- Ban Quản lý khu kinh tế đặc khu Phú Quốc;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, vttrung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Phước

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(ban hành kèm theo Kế hoạch số 551 /KH-UBND ngày 21 /9/2026)

Đơn vị tính: phần trăm (%)

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030
I	Tăng cường sự cam kết của chính quyền địa phương, tổ chức công đoàn và các bên liên quan					
1	Tỷ lệ UBND xã, phường, đặc khu có khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc phạm vi triển khai Kế hoạch tổ chức thực hiện hoặc lồng ghép nội dung Kế hoạch phù hợp thực tế.	60	70	80	90	100
2	Tỷ lệ địa bàn có khu công nghiệp, khu kinh tế tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hằng năm việc thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.	60	70	80	90	100
II	Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động					
1	Tỷ lệ doanh nghiệp có chế độ, chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản có lợi hơn cho người lao động trong thỏa ước lao động tập thể và tổ chức hoạt động thiết thực.	30	35	40	45	>50
2	Tỷ lệ doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền chế độ, chính sách của Nhà nước về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.	50	60	70	80	90
3	Tỷ lệ doanh nghiệp phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức truyền thông, tư vấn kết hợp cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp.	50	60	70	80	90
4	Tỷ lệ cơ sở y tế tại các khu công nghiệp, khu kinh tế được tập huấn về nội dung các chính sách trong chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.	50	60	70	80	90
III	Nâng cao năng lực hệ thống y tế trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản					
1	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong và ngoài công lập có đủ năng lực tư vấn, cung cấp các gói dịch vụ cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động.	40	50	60	70	80
2	Tỷ lệ người cung cấp dịch vụ chuyên khoa phụ sản biết và thực hiện đúng các bước khám chuyên khoa phụ sản trong khám sức khỏe định kỳ cho lao động nữ.	60	70	80	90	100

IV	Nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận dịch vụ của công nhân lao động					
1	Tỷ lệ công nhân lao động nắm được các chính sách cơ bản liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.	55	65	75	85	95
2	Tỷ lệ công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế được truyền thông thay đổi hành vi, tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.	55	65	75	85	95
3	Tỷ lệ công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, gồm dịch vụ dự phòng, sàng lọc bệnh nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản.	50	60	70	80	90
4	Tỷ lệ công nhân lao động chuẩn bị kết hôn được tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân.	50	60	70	80	90
5	Tỷ lệ lao động nữ mang thai biết các biện pháp dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm các bệnh lây truyền từ mẹ sang con (HIV, viêm gan B, giang mai).	55	65	75	85	95
